TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76** /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2020
V/v Ly hôn giữa chị Đỗ Thị Ngọc H với anh Nguyễn Ngọc L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hòa.

2. Bà Hồ Thị Kim Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Thuần - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 5/1 Kiệt 190 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế*; có mặt.*

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; *vắng mặt lần thứ hai.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10-02-2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Ngọc H trình bày:

Chị với anh Nguyễn Ngọc L chung sống với nhau có cưới hỏi, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29-7-2015 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với bố mẹ của anh L tại xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Lập làm nghề lái xe múc. Chị ở nhà trong thời gian mang thai và nuôi con nhỏ. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau; anh L không đóng góp tiền cho

việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Chị đã nhiều lần trao đổi, góp ý nhưng anh L không khắc phục nên vợ chồng thường bất đồng. Từ năm 2017, chị về nhà của mẹ đẻ tại phường P, thành phố H sinh sống; thời gian đầu, anh L còn liên lạc nhưng sau đó bỏ mặc. Tình trạng kéo dài, nghĩa vụ và trách nhiệm vợ chồng không có nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 15-01-2016. Từ khi vợ chồng không chung sống, chị là người nuôi con chung; cháu N đang học bậc mầm non tại phường P, thành phố H. Chị yêu cầu giao cháu N cho chị trực tiếp nuôi đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc L trong thời hạn quy định không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 14-5-2020, Công an xã P xác nhận anh Nguyễn Ngọc L có đăng ký thường trú tại xã P và đang sinh sống tại địa chỉ cư trú.

Ngày 14-5-2020, Toà án tống đạt giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 29-5-2020. Ngày 01-6-2020, Toà án đã tống đạt giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05-6-2020. Tại thời điểm tống đạt, anh L không có mặt nên đã lập biên bản, giao lại văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Ngọc K là bố đẻ đang cư trú cùng địa chỉ với anh L và ông K cam đoan giao lại cho anh L.

Tại Biên bản xác minh ngày 10-6-2020, ông Nguyễn Ngọc K xác nhận đã giao lại văn bản tố tụng nhận vào ngày 14-5-2020 và 01-6-2020 cho anh L.

Ngày 22-6-2020, Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 03-7-2020 bằng phương thức giao cho người thân thích là ông Nguyễn Ngọc K cư trú cùng địa chỉ nhưng anh L vắng mặt nên đã hoãn phiên tòa. Ngày 03-7-2020, Tòa án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập phiên toà lần thứ hai vào ngày 28-7-2020 bằng phương thức giao cho người thân thích là ông Nguyễn Ngọc K cư trú cùng địa chỉ nhưng anh L tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn nhiều lần vắng mặt là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Đỗ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn hợp pháp, đã có một con người con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 15-01-2016. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh L; giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi; về cấp dưỡng không có yêu cầu nên không xem xét; chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con khi ly hôn của nguyên đơn với bị đơn là anh Nguyễn Ngọc L có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc tống đạt và vắng mặt bị đơn: Căn cứ kết quả xác minh thì bị đơn đang sinh sống tại địa chỉ cư trú nhưng tại thời điểm tống đạt không có mặt do điều kiện làm việc chỉ về nhà sau giờ hành chính nên việc tống đạt bằng phương thức giao cho ông Nguyễn Ngọc K là người thân thích (bố đẻ) cư trú cùng địa chỉ. Ông K cam đoan giao lại và theo kết quả xác minh đã giao lại văn bản tố tụng cho anh L. Căn cứ vào đoạn 1 khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thủ tục tống đạt là đúng quy định.

Xét bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không thuộc trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn có đăng ký, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2015, ngày 29-7-2015. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Trên cơ sở trình bày của chị Đỗ Thị Ngọc H và kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn và nguyện vọng của vợ chồng có cơ sở xác định:

Vợ chồng chị H, anh L mâu thuẫn do không hợp nhau, đã không chung sống từ năm 2017 đến nay; gia đình đã khuyên nhủ, động viên nhưng không khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng; Tòa án đã nhiều lần thông báo hòa giải

nhưng anh L vắng mặt. Chứng tỏ, anh L đã không có thiện chí hàn gắn, không có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau; cùng chia sẽ và thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu cho chị H ly hôn. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con: Chị Đỗ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Ngọc L có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 15-01-2016 theo chứng cứ là bản sao giấy khai sinh.

Xét yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, thấy rằng:

Từ khi vợ chồng không chung sống, chị H là người nuôi cháu N và cháu đang học tập tại cơ sở giáo dục mầm non ở địa bàn nơi chị H sinh sống; bản thân chị H là giáo viên mầm non; cháu N là nữ nên gần gũi với mẹ hơn. Anh L vắng mặt nên không có yêu cầu, thỏa thuận gì về việc nuôi con. Vì vậy, để cháu N ổn định việc sinh hoạt, học tập và quyền lợi mọi mặt, cần chấp nhận giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi đến khi thành niên là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phổ biến, giải thích nhưng chị Hn tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Ngọc H với anh Nguyễn Ngọc L; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 15-01-2016 cho chị Đỗ Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ khi ly hôn đến khi thành niên.

Anh Nguyễn Ngọc L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Ngọc H chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2013/008527 ngày 20-02-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Trường